ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1500 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 46/TTr-SDTTG ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn, khối (sau đây gọi chung là thôn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 923 thôn.

2. Thôn đặc biệt khó khăn: 233 thôn. Trong đó: 08 thôn thuộc xã khu vực I; 18 thôn thuộc xã khu vực II; 207 thôn thuộc xã khu vực III.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh sách các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn được phê duyệt tại Điều 1 là căn cứ để xác định địa bàn

để thực hiện các chính sách dân tộc và các chính sách có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác của hồ sơ, số liệu và kết quả phân định.

Điều 4. Khi có chia tách, sáp nhập thôn, xã hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền, Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh danh sách theo khoản 6 Điều 10 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định này thay thế danh sách thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 và Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh. Các nội dung về phân định xã khu vực I, II, III tại Quyết định số 191/QĐ-UBND và Quyết định số 593/QĐ-UBND không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này và tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NVC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn